

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 1708/2006/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 14 tháng 6 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước
trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 26/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Phân loại khu vực:

- a. Khu vực 1 gồm các huyện: Thanh Sơn, Yên Lập.
- b. Khu vực 2 gồm các huyện: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Thanh Ba, Thanh Thủy, Tam Nông.
- c. Khu vực 3 gồm các huyện, thành, thị: Việt Trì, Phú Thọ, Phù Ninh, Lâm Thao.

2. Đơn giá thuê đất: Được xác định bằng tỷ lệ % (phần trăm) x (nhân) với giá đất (theo mục đích sử dụng đất thuê do UBND tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 26/11/2004 của Chính phủ và được công bố có hiệu lực từ ngày 01/01 hàng năm).

Tỷ lệ % (phần trăm) để xác định đơn giá thuê đất được quy định như sau:

- Khu vực 1: 0,3%,
- Khu vực 2: 0,5%,

- Khu vực 3: 0,7%,

3. Đơn giá thuê mặt nước: Mặt nước không thuộc phạm vi quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003, được quy định như sau:

Đơn vị: đồng/01km²/năm

Khu vực	Dự án sử dụng mặt nước cố định	Dự án sử dụng mặt nước không cố định
Khu vực 1	30.000.000	60.000.000
Khu vực 2	45.000.000	120.000.000
Khu vực 3	60.000.000	150.000.000

Điều 2. Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước quy định tại Điều 1 được ổn định trong thời gian 05 năm để áp dụng tính tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê mặt nước theo Quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính.

Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)